

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 02/7/2019.

Về việc “*Ly hôn và tranh chấp
nuôi con chung khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT - TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.

2. Bà Nông Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Dương -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2019 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lường Thị T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 03, xã CKN, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 03, xã CKN, huyện CJ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn - chị Lường Thị T trình bày: Chị T với anh Hoàng Văn T1 chung sống, kết hôn theo nghi thức truyền thống (mời cơm họ hàng, làng xóm làm lễ ra mắt) từ tháng 8/2000 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã CKN, huyện CJ vào ngày 26/3/2008, việc chung sống và kết hôn là tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng hơn 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân: Do anh Tien không quan tâm đến tình hình bệnh tật của chị T; vợ chồng không cùng chí hướng làm ăn; không cùng quan điểm nuôi dạy con nên tình cảm vợ chồng không còn. Đến tháng 02/2019 vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T thấy không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh T1 được nữa, chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T1 sinh được 02 con chung là Hoàng Đình K1, sinh ngày 03/6/2001 và Hoàng Như K, sinh ngày 27/11/2010. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Hoàng Như K, sinh ngày 27/11/ 2010 đến tuổi trưởng thành. Đối với con Hoàng Đình K1, sinh ngày 03/6/2001 đến nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên chị T không yêu cầu giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn - anh Hoàng Văn T1 trình bày: Anh đồng ý với chị T về quá trình chung sống đến thời điểm kết hôn như chị T đã khai. Tuy nhiên, nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không như chị T trình bày mà là do chị T ngoại tình với nhiều người đàn ông khác, anh có nhận được hình ảnh về việc chị T ngoại tình do người khác gửi cho anh xem. Ban đầu anh níu kéo chị T đoàn tụ để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh T1 đồng ý vì không còn tình cảm với chị T.

- Về con chung: Đối với con Hoàng Đình K1, sinh ngày 03/6/2001 đến nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và hiện nay đang do anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên anh T1 không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết đối với con chung là Hoàng Đình K1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Hoàng Như K, sinh ngày 27/11/2010 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng: anh T1 xuất trình chứng cứ “Kết quả xét nghiệm ADN” ngày 24/4/2019 của Trung tâm phân tích ADN & công nghệ di truyền thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (thể hiện Kết quả xét nghiệm ADN giữa anh T1 và cháu K) đồng thời có ý kiến: đồng ý giao cháu K cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng với điều kiện chị T phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho 09 (chín) năm chăm sóc cho cháu K vì cháu K không phải là con đẻ của anh T1.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị T và anh T1; về con chung: giao con Hoàng Như K, sinh ngày 27/11/2010 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con đến tuổi trưởng thành, đây cũng là nguyện vọng của cháu Hoàng Như K; không xem xét giải quyết đối với yêu cầu bồi thường của anh T1 (anh T1 yêu cầu chị T phải bồi

thường số tiền 50.000.000 đồng cho 09 (chín) năm chăm sóc cho cháu K vì cháu K không phải là con đẻ của anh T1); về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung vì các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: (Thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp): Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng Văn T1, xin được trực tiếp nuôi con chung; anh T1 đang cư trú tại xã CKN, huyện CJ, do vậy, xác định đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Căn cứ mở phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án giữa anh T1 và chị T không thỏa thuận với nhau được về con chung, do đó Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26/3/2008, chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã CKN, huyện CJ trên cơ sở tự nguyện, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cư Jút đã tiến hành hòa giải nhiều lần để chị T, anh T1 duy trì quan hệ hôn nhân cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, giữa anh T1 và chị T đã sống ly thân, không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống với nhau được cùng thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa anh T1 và chị T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để ghi nhận thuận tình ly hôn cho anh T1, chị T.

- Về con chung: Đối với cháu Hoàng Đình K1, sinh ngày 03/6/2001, tính đến ngày Tòa án tiến hành hòa giải và thời điểm xét xử cháu K1 đã đủ 18 tuổi; chị T, anh T1 không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Đối với cháu Hoàng Như K, sinh ngày 27/11/2010: Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy: chị T có đủ khả năng nuôi con đến tuổi trưởng thành; mặt khác tại biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2019 cháu Hoàng Như K có nguyện vọng được sống cùng với mẹ Lương Thị T. Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“Điều 81: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

1.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3.....”

Như vậy, xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị T; nguyện vọng của cháu K được tiếp tục chung sống cùng với mẹ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX xét thấy: cần phải giao con Hoàng Như Kt cho chị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Lương Thị T không yêu cầu anh Hoàng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với việc anh T1 xuất trình chứng cứ “Kết quả xét nghiệm ADN” ngày 24/4/2019 của Trung tâm phân tích AND & công nghệ di truyền thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (thể hiện kết quả xét nghiệm ADN giữa anh T1 và cháu K) và yêu cầu buộc chị T phải bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho 09 (chín) năm chăm sóc cho cháu K vì cháu K không phải là con đẻ của anh T1, HĐXX xét thấy:

- Anh T1 không có yêu cầu xác định cha cho con nên HĐXX không xem xét đối với chứng cứ “Kết quả xét nghiệm ADN” ngày 24/4/2019 của Trung tâm phân tích AND & công nghệ di truyền thuộc Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam (Kết quả xét nghiệm ADN giữa anh T1 và cháu K);

- Về yêu cầu chị T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho 09 (chín) năm chăm sóc cho cháu K vì cháu K không phải là con đẻ của anh T1, HĐXX thấy rằng: yêu cầu bồi thường của anh T1 tại phiên tòa đã vượt quá yêu cầu khởi kiện, không thể giải quyết trong cùng một vụ án nên HĐXX không xem xét giải quyết; anh T1 có quyền khởi kiện tại vụ án khác.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T nhận nộp án phí về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 188; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lương Thị T.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị T và anh Hoàng Văn T1.

2. Về con chung: Giao con Hoàng Như Kt, sinh ngày 27/11/2010 cho chị Lường Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lường Thị T không yêu cầu anh Hoàng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền đi lại thăm nom con; không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

Đối với cháu Hoàng Đình K1, sinh ngày 03/6/2001, cháu K1 đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị T và anh T1 không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

3. Về yêu cầu của anh T1: Anh T1 yêu cầu chị T bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho 09 (chín) năm chăm sóc cho cháu K vì cháu K không phải là con đẻ của anh T1: Không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Lường Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000635 ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CJ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CC THADS huyện CJ;
- UBND xã CKN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lộc Thị Vinh